

Bản án số: 36/2021/DSST
Ngày: 23-11-2021
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đoàn Thế Dũng.
 - **Hội thẩm nhân dân:** Ông Hà Văn Trường.
Ông Vũ Văn Chương.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu:** Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 23-11-2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 409/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐST-XX ngày 16-10-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐHPT-DS ngày 08-11-2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị Ánh T, sinh năm 1983 (Có mặt).
Địa chỉ nhà số M, đường T, Phường B, thành phố V tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
2. **Bị đơn:** Bà Mã Thị Kim A, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ nhà số M, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Ánh T trình bày:* Bà và bà Mã Thị Kim A là bạn bè quen biết gần nhà. Ngày 06-5-2017, bà Kim A vay bà 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), bà Kim A có lập giấy mượn tiền và ký tên, thời gian vay là 06 tháng, không lãi suất. Đến ngày 08-02-2018, bà Kim A tiếp tục năn nỉ mượn thêm bà 900.000.000 đồng, bà Kim A có lập giấy mượn tiền và ký tên, thời gian vay là 04 tháng, không lãi suất. Tuy nhiên, cả 02 khoản vay trên hai bên có thỏa thuận lãi suất ngoài văn bản là 20%/năm, và bà Kim A không có tài sản bảo đảm vì tin tưởng là bạn bè gần nhà nhau. Đến thời hạn trả nợ, bà gặp bà Kim A nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà Kim A không trả, do đó, ngày 29-8-2018, hai bên tiến hành lập biên bản thỏa thuận xác nhận bà Kim A nợ bà

1.300.000.000 đồng và bà Kim A cam kết sẽ trả hết số nợ trên trong vòng 01 năm từ 30-8-2018 đến ngày 30-8-2019. Hai bên thỏa thuận miệng, nếu 01 năm bà Kim A trả hết số nợ trên thì bà không tính lãi, nếu không trả thì sẽ tính lãi 10%/năm từ ngày 30-8-2018 cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, từ ngày 30-8-2018 đến nay, bà Kim A chưa trả cho bà một khoản nào kể cả gốc và lãi. Bà đã nhiều lần gặp bà Kim A yêu cầu thanh toán nhưng bà Kim A không trả mà còn có biểu hiện trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Kim A trả cho bà tiền gốc là 1.300.000.000 đồng, đồng thời, buộc bà Kim A phải trả tiền lãi từ ngày 30-8-2018 đến ngày 30-9-2020 là 200.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Mã Thị Kim A không tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

3. Tại phiên tòa: Nguyên đơn xác nhận các vấn đề: Thực tế, bà T cho bà Kim A vay 03 đợt, với tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng), ngay khi vay lần đầu tiên bà Kim A giao bản chính cả vệt xe ô tô hiệu Camry cho bà để làm tin. Sau đó bà Kim A trả cho bà được 500.000.000 đồng, đồng thời, bà Kim A nói cho mượn lại cả vệt xe để đi đăng kiểm. Bà tin là thật nên giao bản chính cả vệt xe cho bà Kim A. Bà Kim A mang xe đi bán cho người khác nhưng không trả số tiền còn lại cho bà nên ngày 29-8-2018, hai bên đã làm biên bản thỏa thuận về việc bà Kim A nợ bà số tiền 1.300.000.000 đồng. Việc hai bên vay, trả nợ không liên quan đến chồng bà Kim A. Sau thời điểm lập biên bản thỏa thuận, bà Kim A trả cho bà được 30.000.000 đồng bằng nhiều lần, do đó, tại phiên tòa bà T yêu cầu bà Kim A trả cho bà số tiền gốc là 1.270.000.000 đồng và 200.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 30-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23-11-2021. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên về thời hạn xét xử chậm so với Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cần phải rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T đối với bà Kim A về việc buộc bà Kim A phải trả cho bà T tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 1.270.000.000 đồng và nợ lãi là 200.000.000 đồng thời điểm tính từ ngày 30-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23-11-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn Mã Thị Kim A thanh toán nợ vay cả gốc và lãi là 1.470.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét quan hệ tranh chấp vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản” theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự; bị đơn, nguyên đơn đều cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn.

Tại thời điểm ký giấy mượn tiền và ký biên bản thỏa thuận, bị đơn bà Mã Thị Kim A cung cấp và có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ M, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau đó, theo Công an Phường B xác minh bà Kim A đã thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện nghĩa vụ nhưng không thông báo cho nguyên đơn là bà T là vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn cố tình dấu địa chỉ theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Tòa án niêm yết theo địa chỉ bị đơn cung cấp khi ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Các giao dịch được xác lập vào năm 2017, 2018 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp:

- 01 bản chính viết tay Giấy mượn tiền ngày 06-05-2017;
- 01 bản chính viết tay Giấy mượn tiền ngày 08-2-2018;
- 01 bản chính viết tay Biên bản thỏa thuận ngày 29-8-2018;.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền gốc.

Tại phiên tòa bà T xác nhận, bà cho bà Kim A vay 03 đợt, với tổng số tiền là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng), khi vay lần đầu tiên bà Kim A giao bản chính cả vệt xe ô tô hiệu Camry, biển số 72A05351 cho bà để làm tin. Sau đó bà Kim A trả cho bà 500.000.000 đồng, đồng thời, mượn lại cả vệt xe nói là để đi đăng kiểm nhưng thực chất là bán cho người khác mà vẫn không trả số tiền còn lại cho bà nên ngày 29-8-2018, hai bên đã lập biên bản thỏa thuận về việc bà Kim A nợ bà số tiền 1.300.000.000 đồng. Sau thời điểm lập biên bản thỏa thuận, bà Kim A trả cho bà được 30.000.000 đồng bằng nhiều lần nên bà yêu cầu bà Kim A trả cho bà số tiền gốc là 1.270.000.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kim A không tham gia tố tụng và theo yêu cầu của nguyên đơn về việc thu thập chứng cứ là chữ ký của bà Kim A tại Hợp đồng mua bán xe ô tô số 195, quyển số 01, ngày 27-10-2017, được lưu trữ Văn Phòng Công chứng Bà Rịa-Vũng Tàu để giám định so sánh chữ ký của bà Kim A trong biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 29-8-2018.

Theo Kết luận giám định số 89/KLGD-PC09-TL ngày 22-6-2021 kết luận: Chữ ký, chữ viết tên Mã Thị Kim A trên mẫu cần giám định ký hiệu A (biên bản thỏa thuận)

so với chữ ký, chữ viết tên Mã Thị Kim A trên mẫu so sánh ký hiệu M (Hợp đồng mua bán xe ô tô số 195) do cùng một người ký, viết ra.

Đôi chiếu các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự của Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Hội đồng xét xử xét, việc bà Kim A vay bà T số tiền 1.300.000.000 đồng là có thật. Mặc dù tại phiên tòa, bà Kim A không có mặt nhưng bà T thừa nhận kể từ thời điểm ngày 29-8-2018, bà Kim A đã trả cho bà T được số tiền gốc 30.000.000 đồng nên yêu cầu bà Kim A trả 1.270.000.000 đồng, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà Kim A phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.270.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm, bảy mươi triệu đồng).

[4.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Quá trình tố tụng, bà T yêu cầu bà Kim A trả tiền lãi là 10%/năm trên số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T xác nhận kể từ ngày 29-8-2018 đến nay bà Kim A chưa trả cho bà T đồng lãi nào và chỉ yêu cầu bà Kim A trả 200.000.000 đồng lãi tính từ ngày 30-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23-11-2021. Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào phần [4.1], căn cứ vào khoản 2 Điều 280, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, bà T đòi lãi thấp hơn qui định của pháp luật là có lợi cho bà Kim A nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích tại phần [4.1] và [4.2], căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cả gốc và lãi là 1.470.000.000 đồng.

[5]. Về chi phí tố tụng và chi phí giám định chữ ký: 4.500.000 đồng bà Kim A phải chịu toàn bộ. Tuy nhiên, do bà T đã nộp tạm ứng nên bà Kim A phải hoàn lại cho bà T số tiền trên.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim A phải nộp phải nộp toàn bộ là 56.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Ánh T đối với bà Mã Thị Kim A về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Mã Thị Kim A phải trả cho bà Hoàng Thị Ánh T tổng số tiền là 1.470.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm, bảy mươi triệu đồng), trong đó, nợ gốc là

1.270.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm, bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về chi phí tố tụng, giám định chữ ký: Bà Mã Thị Kim A phải hoàn lại cho bà Hoàng Thị Ánh T tổng số tiền chi phí tố tụng và chi phí giám định chữ ký là 4.500.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Mã Thị Kim A phải nộp toàn án phí dân sự sơ thẩm là 56.100.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm ngàn đồng).

- Hoàn lại 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị Ánh T đã nộp theo biên lai số 0008134 ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng